

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND Hòa Bình, ngày tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 70 /TTr-STNMT ngày 21 tháng 3 năm 2024 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH PACIFIC; địa chỉ trụ sở chính tại phường Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trồng, chế biến rau, nông sản xuất khẩu” tại phường Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trồng, chế biến rau, nông sản xuất khẩu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5400105260, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 31 tháng 5 năm 2023.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 5400105260.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến nông sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Tổng diện tích đất là: 12.764,3 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); dự án đầu tư nhóm III (Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất: 5.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH PACIFIC:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH PACIFIC có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Trồng, chế biến rau, nông sản xuất khẩu” tại phường Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình của Công ty TNHH PACIFIC được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các Sở: TN&MT, XD, KH&CN;
 - UBND thành phố Hòa Bình;
 - UBND phường Thống Nhất, TP. Hòa Bình;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
 - Công ty TNHH PACIFIC
- (Trung tâm phục vụ HCC tỉnh, trả kết quả);*
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN (Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1
NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân.
- Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động muối, ủ nông sản.
- Nguồn số 3: Nước thải từ hoạt động rửa nông sản sau khi ủ chín, cắt gọt.
- Nguồn số 4: Nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, nhà xưởng, rửa tay chân.
- Nguồn số 5: Nước thải từ hoạt động vệ sinh các bể ủ muối sau mỗi mẻ.
- Nguồn số 6: Nước thải từ quá trình rửa nguyên liệu nông sản trước khi ủ muối.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Gồm 01 dòng thải bao gồm 06 nguồn: Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước thải của thành phố Hòa Bình chạy ngầm dưới vỉa hè đường An Dương Vương, sau đó nước thải tiếp tục chảy ra Ngòi Chằm.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý xả ra cống thoát nước thải của thành phố thuộc địa phận tổ 2, phường Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (*hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 106⁰ múi chiếu 3⁰*) là: X(m) = 2299450,07, Y(m) = 430654,10.

2.3. Lưu lượng xả lớn nhất: 45 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép khi xả thải (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ
1.	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2.	BOD ₅	mg/l	30	
3.	COD	mg/l	75	
4.	Độ muối	‰	-	
5.	TSS	mg/l	50	
6.	Amoni (Tính theo N)	mg/l	5	
7.	Sunfua	mg/l	0,2	
8.	Tổng Nitơ	mg/l	20	
9.	Tổng P photpho (Tính theo P)	mg/l	4	
10.	Clorua	mg/l	500	
11.	Clo dư	mg/l	1	
12.	Florua	mg/l	5	
13.	Coliform	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt từ hố xí, chậu tiểu tại mỗi khu vệ sinh được thu gom riêng xuống bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó cùng với dòng nước thải sinh hoạt xám (nước thoát sàn các nhà vệ sinh, nước rửa tay chân,...) thu gom về bể điều hòa của trạm xử lý nước thải bằng ống U.PVC D110, chiều dài khoảng 150(m).

- Nước thải từ quá trình muối, ủ nông sản: Khoảng 80% được tái sử dụng cho công đoạn muối ủ nguyên liệu trong mẻ sản xuất mới hoặc để đóng gói khi xuất khẩu nông sản, phần còn lại thu gom về 2 bể chứa xây gạch (50 m³/bể) bằng các tuyến rãnh xây gạch 300×300(mm), sau đó bơm về bể điều hòa của trạm xử lý nước thải (XLNT) bằng ống HDPE D90 chiều dài 150(m).

- Nước thải từ quá trình rửa nông sản sau khi ủ chín, cắt gọt hoàn thiện: Khoảng 80% được tái sử dụng khi đóng gói nông sản xuất khẩu, phần còn lại thu gom về 2 bể chứa xây gạch (50 m³/bể) bằng các tuyến rãnh xây gạch 300×300(mm), sau đó bơm về bể điều hòa của trạm XLNT bằng ống HDPE D90, chiều dài 150(m).

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ sản xuất, các bể ủ muối, nhà xưởng, rửa tay chân công nhân, rửa nguyên liệu nông sản: Thu gom về 2 bể chứa xây gạch (50 m³/bể) bằng các tuyến rãnh xây gạch 300×300(mm), sau đó bơm về bể điều hòa của

trạm XLNT bằng ống HDPE D90, chiều dài 150(m).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại 3 ngăn: 02 bể ngầm (Khu hành chính: 6 m³; khu xưởng chế biến: 12 m³).
- Bể chứa nước thải sản xuất trước khi bơm về trạm XLNT: 02 bể, dung tích: 50 m³/bể.
- Bơm nước thải từ 2 bể chứa về trạm XLNT: 02 chiếc (Sử dụng bơm nước mặn, công suất: 10 m³/h; H = 5,0m)

- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 45 m³/ngày đêm có quy trình như sau:
 (1) Nước thải sinh hoạt từ hố xí, chậu tiểu sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn ;
 (2) Nước thải sinh hoạt thoát sàn, nước rửa ; (3) Nước thải sản xuất → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý (Bể lắng 1) → Bể sau lắng 1 → Bể trung gian → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học (Bể lắng 2) → Bể sau lắng 2 → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A → Cổng thoát nước thải của thành phố Hòa Bình chạy ngầm dưới vỉa hè đường An Dương Vương.

- Hóa chất sử dụng: Kiềm (NaOH), Chất trợ lắng (Polymer), PAC, Hóa chất khử trùng (hoặc các hóa chất khác tương đương bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống máy móc thiết bị, đường ống thu, thoát nước, các bể xử lý để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ các chất bẩn, tăng hiệu quả xử lý nước thải. Luôn dự phòng các thiết bị xử lý, các máy bơm và các thiết bị, vật tư hay bị hư hỏng trong kho chứa để kịp thời thay thế khi gặp sự cố.

- Khi trạm xử lý nước thải gặp sự cố phải tạm dừng mọi hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục, chỉ được hoạt động trở lại sau khi khắc phục, sửa chữa xong trạm xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất: 45 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau khi xử lý, trước khi xả ra cổng thoát nước thải của thành phố Hòa Bình.

2.2.2. Thông số đánh giá và giá trị giới hạn cho phép: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả ra ngoài môi trường theo quy định tại mục 2.3.3 của Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, công trình xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp các công trình xử lý nước thải gặp sự cố, chủ cơ sở phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, báo cáo cơ quan chức năng về môi trường trong trường hợp cần thiết để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Khí thải từ các bể xử lý (bể điều hòa, bể lắng hóa lý, bể thiếu khí, bể hiếu khí) của trạm xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải: Khí thải từ trạm xử lý nước thải sau khi xử lý.

2.2. Vị trí ống xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 múi chiều 3^0):

- Khí thải từ trạm xử lý nước thải sau khi xử lý: $X(m)=2299485,37$;
 $Y(m)=430612,84$.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Lưu lượng khí thải: $10.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.4. Phương thức xả khí: Liên tục.

2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p=1,0$, $K_v=0,8$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=1,0$, $K_v=0,8$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục, định kỳ
1	Lưu lượng	m^3/h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với khí thải (Theo quy định tại Điều 98 Nghị định 08/2022 /NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	NH_3	mg/Nm^3	40		
3	H_2S	mg/Nm^3	6,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải, mùi từ các nguồn phát sinh:

Bố trí các miệng hút (4 miệng, D110) trên thành các bể xử lý nước thải để hút mùi, đầu nối vào trực hút (ống PVC D140, dài 200m) đưa về hệ thống xử lý mùi bằng than hoạt tính 2 lớp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải, mùi

- Miệng thu mùi: 4 miệng, D110 tại các bể xử lý nước thải (bố trí trên thành bể, giữa mép nước và nắp bể).

- Quạt hút: 01 chiếc, công suất: 0,75 kW, lưu lượng: 10.000 m³/h, quạt hút chịu được ăn mòn do hóa chất.

- Hệ thống xử lý mùi: Mùi từ các bể xử lý nước thải (Bể điều hòa, bể lắng hóa lý, bể thiếu khí và bể hiếu khí) → Miệng hút mùi D110(mm) trên thành bể → Trực hút ống PVC D140(mm) → Quạt hút (0,75kw, Q=10.000 m³/h) → Tháp xử lý (Lọc bằng than hoạt tính 2 lớp, mỗi lớp dày: 150mm) → Xả thải bằng ống thải PVC D140(mm), chiều cao ống thải H=4,5m.

- Các công trình, biện pháp xử lý khí thải, mùi khác

+ Tại các bể ủ muối nông sản: Bao che kín các bể ủ muối nông sản để tránh mùi hôi, thối.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, phế thải từ hoạt động chế biến hàng nông sản được phân loại, chuyển giao kịp thời cho các đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường để xử lý theo quy định.

+ Thường xuyên nạo vét hệ thống thoát nước thải, nước mưa để tránh tích tụ bùn, rác thải lâu ngày làm phát sinh mùi hôi thối.

+ Phối hợp với thôn xóm dân cư xung quanh, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng để kịp thời tiếp thu, khắc phục ngay các phản ánh về mùi phát tán từ cơ sở.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý mùi; kịp thời thay thế các thiết bị, hệ thống xử lý mùi.

- Dừng mọi hoạt động có liên quan để khắc phục, sửa chữa hệ thống thu gom, xử lý khí thải, mùi và chỉ được hoạt động trở lại sau khi hệ thống đã được khắc phục, sửa chữa xong, đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải, mùi tại trạm XLNT tập trung, công suất: 10.000 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí trên ống thải theo quy định, trước khi xả ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát thông số: Lưu lượng khí thải, NH₃ và H₂S có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý theo giá trị giới hạn cho phép xả ra ngoài môi trường theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải, mùi phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom xử lý khí thải, mùi.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải, mùi không đảm bảo các yêu cầu tại Mục 2.5 phần A phụ lục này và phải dừng ngay hoạt động của việc xả khí thải, mùi để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn và vị trí phát sinh: Từ hoạt động của các thiết bị, máy móc trong nhà xưởng chế biến (Hệ thống quạt thông gió, điều hòa nhiệt độ, máy bơm,...).

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở đảm bảo vị trí trồng theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH theo TT 02:2022	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (Loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	rắn	08 02 04	2,0
2	Bộ lọc dầu	rắn	15 01 02	0,5
3	Dầu phanh thải	lỏng	15 01 07	5,0
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	rắn	16 01 06	5,0
5	Các loại dầu mỡ thải	lỏng	16 01 08	10,0
6	Pin, ắc quy thải	rắn	16 01 12	20,0
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	rắn	16 01 13	1,0
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	lỏng	17 02 03	20,0
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (Bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	rắn	18 02 01	5,0
	Tổng cộng			68,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng	Đơn vị
1	CTR sinh hoạt	10,0	kg/ng.đêm

TT	Tên chất thải	Khối lượng	Đơn vị
2	CTR thông thường		
2.1	Bao bì giấy, bìa, nilong	5,0	kg/ng.đêm
2.3	Đầu mẩu, vỏ,... từ quá trình chế biến, cắt gọt nông sản (Đầu mẩu dưa chuột muối, vỏ củ gừng muối, vỏ rễ củ kiệu muối, vỏ củ ngưu bàng và các loại củ, quả sấu thối khác,... loại ra trong quá trình sản xuất)	600,0	kg/ng.đêm
2.4	CTR thông thường khác	5,0	kg/ng.đêm
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	10,0	kg/ng.đêm
4	Bùn thải từ quá trình nạo vét hồ ga, rãnh của hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải (trong ngày khảo sát)	30,0	kg/ng.đêm
	Tổng cộng	660	kg/ng.đêm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 12 thùng loại 100 lít/thùng (03 thùng dự phòng), mỗi mã CTNH được chứa riêng từng thùng, các thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích: 5,6 m²; kích thước (D×R=4,82×1,18m, Cao: 3,0m)
- Tường gạch trát xi măng, mặt sàn bê tông, cửa ra vào bằng tôn, biển báo theo quy định, thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Kho chứa chất thải nguy hại có trang bị các dụng cụ, thiết bị vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn (CTR) thông thường

- Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường: 10 thùng loại 11,5 lít/thùng, 3 thùng loại 30 l/thùng; chất liệu: Nhựa PVC, có nắp đậy.
- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường: Diện tích: 27,63 m², kích thước: D×R×C=6,14×4,5×3,1m; Kho xây bằng gạch trát xi măng, sàn bê tông,

mái che kín, cửa ra vào, trang bị vòi nước sạch, đèn điện, các biển hiệu và các dụng cụ bảo hộ lao động khác.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ chất thải có khả năng tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất có ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong giấy phép này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp phải báo cáo UBND tỉnh qua Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định./.
